

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2024
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – ông Nguyễn Văn G trình bày: ông và bà Huỳnh Thị N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên bất hòa, không có tiếng nói chung. Bà N đã dọn ra ở riêng từ ngày 20/3/2022. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà N. Về con chung, ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Thị Diễm T (nữ) sinh ngày 19/9/1997

và Nguyễn Hoàng T1 (nam) sinh ngày 25/3/1996, các con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn - bà Huỳnh Thị N trình bày: bà đồng ý ly hôn với ông G. Ông bà có 02 người con chung là Nguyễn Thị Diễm T (nữ) sinh ngày 19/9/1997 và Nguyễn Hoàng T1 (nam) sinh ngày 25/3/1996 đã trưởng thành. Về tài sản chung: không có, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn G và bà Huỳnh Thị N xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01 ngày 26/6/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hôn nhân của ông Nguyễn Văn G và bà Huỳnh Thị N đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông G và bà N có thời gian sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc ông G xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông G cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất hòa, không có tiếng nói chung; ông bà đã ly thân nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời bà N đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng bà N vắng mặt và có bản tự khai đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ cả hai không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng, hôn nhân của ông G, bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G.

[4] Về con chung, ông G, bà N có 02 người con chung là Nguyễn Thị Diễm T (nữ) sinh ngày 19/9/1997 và Nguyễn Hoàng T1 (nam) sinh ngày 25/3/1996 đều đã thành niên.

[5] Nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày không có tài sản chung, nợ chung.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn G với bà Huỳnh Thị N.

- *Về con chung*: Nguyễn Thị Diễm T (nữ) sinh ngày 19/9/1997 và Nguyễn Hoàng T1 (nam) sinh ngày 25/3/1996 đều đã thành niên.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông G nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0006159 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa